

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21/01/2021.

Về việc “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Biều

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Cúc

Ông Dương Minh Ngọc

Thư ký Tòa án: Bà Đoàn Thị Kiều Hoanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Việt Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 21/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 240/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 V/v: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 28/12/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Mỹ S, sinh năm: 1996; Trú tại: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Võ Văn R, sinh năm: 1993; Trú tại: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Võ Thị Mỹ S trình bày: Bà S và ông Võ Văn R đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam vào ngày 12/7/2018 là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật; trong quá trình chung sống vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; vợ chồng không đồng quan điểm; ông R thường xuyên có hành vi bạo hành gia đình, thường xuyên xảy ra cãi cọ; bà S và ông R đã tự ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Xét thấy tình cảm hiện nay không còn nên bà S yêu cầu Tòa án xem xét cho bà S được ly hôn ông Võ Văn R.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Bà S không yêu cầu giải quyết;

Bị đơn ông Võ Văn R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tài liệu, chứng cứ và hoà giải và đã được Tòa án

triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Riêng đối với bị đơn ông Võ Văn R vi phạm pháp luật tố tụng dân sự; Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Võ Thị Mỹ S được ly hôn với ông Võ Văn R. Về con chung: Không có nên không đề cập giải quyết; về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Võ Thị Mỹ S có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Võ Văn R hiện trú tại: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy, việc khởi kiện của bà S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Bị đơn ông Võ Văn R đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Võ Văn R theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Mỹ S và ông Võ Văn R tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Anh Nam, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Như vậy, hôn nhân của bà S và ông R là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thì bà S và ông R phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà S là do bà S và ông R bất đồng quan điểm sống, không quan tâm vợ con nên tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng bà đã tự ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa bà S và ông R đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận của bà Võ Thị Mỹ S được ly hôn với ông Võ Văn R là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Bà Võ Thị Mỹ S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ S về việc “Ly hôn, tranh chấp con chung” đối với bị đơn ông Võ Văn R.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Võ Thị Mỹ S được ly hôn với ông Võ Văn R
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Tự giải quyết.
- Về Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà Võ Thị Mỹ S phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà S đã nộp theo biên lai thu số 0004932 ngày 02/10/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND huyện;
 - UBND xã T;
 - UBND xã T1;
 - Chi cục THADS huyện;
 - Phòng KTNV và THAHS TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRƯƠNG VĂN BIỂU

